

Bản án số: 305/2020/HS-PT

Ngày: 23-6-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Tất Trình;

2. Ông Phan Nguyên Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2020/TLPT-HS ngày 10/4/2020 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST, ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

A; sinh năm 1975, tại tỉnh Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú tại 711/77 đường E, Phường 13, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 2/12; nghề nghiệp: không; con ông: Trần Văn G và bà Vũ Thị Thái H; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; hoàn cảnh gia đình: không có chồng, có 08 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án:

1/ Bản án số 349/HSST ngày 26/11/1993 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

2/ Bản án số 36/HSST ngày 10/02/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/3/2004 đang thi hành án tại Trại giam Công an tỉnh Tây Ninh thì trốn trại;

3/ Bản án số 71/HSST ngày 04/6/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 29 tháng 25 ngày tù;

4/ Bản án số 46/HSST ngày 04/02/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp chung hình phạt với Bản án số 7171/HSST ngày 04/6/2004 là 37 tháng 25 ngày tù;

5/ Bản án số 39/HSST ngày 25/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt với Bản án số 46/HSST ngày 04/02/2005 là 05 năm 01 tháng 22 ngày tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/12/2008;

6/ Bản án số 124/HSST ngày 08/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

7/ Bản án số 114/HSST ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 124/HSST ngày 08/7/2011 là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2018.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 277/HSST, ngày 26/9/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/7/2019 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 17/7/2019, tên C (chưa xác định lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số rử A đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo đồng ý. C đem theo một túi xách màu đen, bên trong để 01 cây kiếm bấm, 01 thanh sắt dài khoảng 15cm, 02 tua vít, 01 cây đèn pin mini và 01 dụng cụ để mở khóa công tắc xe mô tô.

Khi đi đến nhà anh I, tại số 88/1D tổ 5 khu phố 9, phường J, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thấy nhà khóa cửa bên ngoài và không người trông coi nên C dừng xe lại nói bị cáo A đứng bên ngoài canh giới, còn C dùng thanh sắt bẻ khoen cửa chính để vào nhà. C vào nhà lục soát lấy trộm 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng và 01 Ti vi hiệu Sony 32 inch màu đen để xuống nền nhà, rồi đi ra ngoài đưa cho bị cáo túi xách và nói bị cáo vào lấy những tài sản trên. Bị cáo vào lấy 01 máy tính bảng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S bỏ vào túi xách, chuẩn bị lấy cái Ti vi thì

bị anh I về nhà phát hiện, bắt giữ bị cáo cùng với tang vật. Riêng tên C điều khiển xe mô tô chạy thoát.

Theo kết luận định giá tài sản số 280/KLĐG ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì: “01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, số Imel: 359594/06/39/507/7 có giá trị là 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số imel: 01346700231424, có giá trị là 1.275.000 đồng và 01 Ti vi hiệu Sony 32 inch màu đen, Model No KVL - 32R402A No 2779359, có giá trị là 1.775.000 đồng”. Tổng cộng là 4.550.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST, ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt A 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 06/3/2020 bị cáo A kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm vì bị cáo không trộm cắp chiếc Ti vi của anh I.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị tòa xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì bị cáo không trộm cắp chiếc Ti vi 32 inch của anh I.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập, có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định: Bị cáo đã có hành vi lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng và 01 Ti vi hiệu Sony 32 inch màu đen của anh I như bản án sơ thẩm đã tuyên. Mức án 4 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ để giảm án cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì và trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận

xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo và người có tên C rủ nhau đi trộm cắp tài sản, không nói rõ là trộm cắp của ai và trộm cắp tài sản gì. Quá trình thực hiện hành vi, C là người bê khóa đi vào trong nhà của anh I lấy 01 máy tính bảng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S để sẵn trước cửa phòng ngủ trên lầu, gỡ cái Ti vi treo trên tường bỏ xuống nền nhà và bảo bị cáo vào lấy những tài sản trên mang ra. Bị cáo vào nhà anh I đã lấy cái máy tính bảng và cái điện thoại di động bỏ vào trong túi xách và đang từ trên lầu đi xuống thì bị anh I về nhà bắt quả tang. Mặc dù bị cáo chưa lấy được cái Ti vi bỏ vào trong túi xách, nhưng đây là trở ngại khách quan, ngoài ý muốn của bị cáo, mặt khác bị cáo là đồng phạm của tên C nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà đồng phạm đã thực hiện. Do đó, Bản án sơ thẩm qui kết bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 máy tính bảng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S và cái Ti vi của anh I là có căn cứ, đúng luật.

[3] Về hình phạt: Mức án 4 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là đã xem xét đầy đủ, toàn diện về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để giảm án cho bị cáo.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST, ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: A 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2019.

Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận B; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- THA Quận B; (1)
- TAND Quận B; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu